

Số: 321/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Khóa XIII Phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1153/SNNPTNT-NTM ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 và Sở Tư pháp tại Báo cáo số 50/BC-STP ngày 27 tháng 12 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020, với các nội

dung chủ yếu như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2020 đạt các mục tiêu sau:

- a) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 98 xã;
- b) Bình quân số tiêu chí/xã: 16,5 tiêu chí;
- c) 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.
- d) Không còn xã dưới 5 tiêu chí.

II. Nội dung thực hiện

1. Đối với cấp xã: Thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới được ban hành tại Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Bộ tiêu chí của tỉnh Quảng Ngãi về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, bao gồm 5 nhóm tiêu chí:

- a) Nhóm tiêu chí về quy hoạch;
- b) Nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội: Giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư;
- c) Nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất: Thu nhập, hộ nghèo, lao động có việc làm, tổ chức sản xuất;
- d) Nhóm tiêu chí về văn hóa - xã hội - môi trường: Giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, môi trường và an toàn thực phẩm;
- đ) Nhóm tiêu chí về hệ thống chính trị: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, quốc phòng và an ninh.

2. Đối với huyện, thành phố: Thực hiện Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, bao gồm các tiêu chí về: Quy hoạch, Giao thông, Thủy lợi, Điện, Y tế - Văn hóa - Giáo dục, Sản xuất, Môi

trường, An ninh, trật tự xã hội và Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

III. Lộ trình thực hiện

	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1	Số xã đạt chuẩn NTM	13	18	18	19	19
	Lũy kế	24	42	60	79	98
2	Huyện đạt chuẩn NTM, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM		1		1	4
	Lũy kế		1	1	2	6
3	Số tiêu chí bình quân/xã	10,88	12,00	13,50	15,00	16,50
4	Số xã đạt dưới 5 tiêu chí (\leq)	27	20	10	0	0

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

IV. Dự kiến nhu cầu vốn giai đoạn 2016-2020

1. Dự kiến vốn và cơ cấu vốn đầu tư

Dự kiến tổng vốn đầu tư: 12.700.200 triệu đồng

a) Ngân sách đầu tư trực tiếp: 3.140.700 triệu đồng (24%), trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 996.200 triệu đồng

- Ngân sách tỉnh: 1.494.500 triệu đồng, trong đó:

+ Cân đối ngân sách tỉnh: 994.500 triệu đồng

+ Vốn vay tín dụng ưu đãi: 500.000 triệu đồng

- Ngân sách huyện, thành phố: 500.000 triệu đồng

- Ngân sách xã: 150.000 triệu đồng.

b) Vốn lồng ghép: 859.500 triệu đồng (6%)

c) Vốn tín dụng: 5.500.000 triệu đồng (45%)

d) Vốn tổ chức, doanh nghiệp: 1.950.000 triệu đồng (15%)

đ) Huy động đóng góp từ cộng đồng dân cư: 1.250.000 triệu đồng (10%)

2. Dự kiến phân kỳ kế hoạch vốn theo từng năm thực hiện

DVT: Triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng (2016-2020)	Phân kỳ				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Ngân sách TW	898.200	31.200	138.000	240.000	244.000	245.000
2	TPCP	98.000	98.000				
3	Ngân sách tỉnh	1.494.500	225.500	120.000	380.000	384.000	385.000
4	Ngân sách huyện, TP	500.000	114.300	96.400	96.400	96.400	96.500
5	Ngân sách xã	150.000	34.260	28.900	28.900	28.900	29.040
6	Huy động cộng đồng	1.250.000	52.200	295.000	295.000	300.000	307.800
7	Vốn lồng ghép	859.500	695.000	41.000	41.000	41.000	41.500
8	Vốn tín dụng	5.500.000	93.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.357.000
9	Tổ chức, Doanh nghiệp	1.950.000	17.000	480.000	480.000	480.000	493.000
	Tổng cộng	12.700.200	1.360.460	2.549.300	2.911.300	2.924.300	2.954.840

V. Nguyên tắc bố trí vốn

1. Vốn Trung ương (bao gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn Trái phiếu Chính phủ): Thực hiện theo nguyên tắc phân bổ vốn theo quy định của trung ương;

2. Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, thành phố và xã): Tập trung đầu tư cho các xã về đích trong giai đoạn 2016 - 2020.

VI. Giải pháp chủ yếu thực hiện

1. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền vận động. Tuyên truyền phải thật sự tạo được chuyển biến về nhận thức, phải làm cho cán bộ các cấp và người dân hiểu rõ mục tiêu của Chương trình là hướng đến người dân, vì dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của chính họ. Người dân là chủ thể của quá trình xây dựng nông thôn mới để họ tự giác tham gia bàn bạc, lựa chọn, quyết định những việc cần làm, tự tổ chức thực hiện bằng chính nội lực của mình, nhà nước chỉ đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ.

2. Tăng cường đào tạo, tập huấn đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình để họ có đủ trình độ năng lực trong công tác tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo các cấp về quản lý điều hành Chương trình, đủ năng lực giám sát, đánh giá và tổ chức thực hiện Chương trình.

3. Chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, đề án xây

dựng nông thôn mới cho phù hợp với thực tế, phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống người dân nông thôn; thực hiện dồn điền, đổi thửa, phát triển cánh đồng mẫu lớn, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế.

4. Có giải pháp hiệu quả để huy động mọi nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng, ưu tiên các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh; từng bước hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao trên địa bàn xã góp phần nâng cao đời sống tinh thần người dân nông thôn.

5. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình mục tiêu về giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề, văn hóa, thông tin, nước sạch và vệ sinh môi trường để đáp ứng yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; vận động nhân dân tổ chức các hoạt động thu gom, xử lý rác thải phù hợp để giữ gìn vệ sinh nông thôn xanh, sạch, đẹp.

6. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, nhất là vai trò của người đứng đầu trong xây dựng nông thôn mới. Các sở ngành đưa vào chương trình công tác hàng năm nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và xem đây là nhiệm vụ chính trị của cơ quan mình.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch của Quyết định này;

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành và UBND các huyện, thành phố đề xuất kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách để thực hiện Chương trình hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh giao chỉ tiêu phân đầu, nhiệm vụ cụ thể hàng năm cho UBND các huyện, thành phố thực hiện để hoàn thành mục tiêu của Chương trình;

- Xây dựng kế hoạch công tác hàng năm của Ban Chỉ đạo tỉnh, tham mưu đề xuất UBND tỉnh phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh; phát huy vai trò phối hợp của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch tại các địa phương. Tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh, Trung ương theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tổng hợp nhu cầu, phân bổ vốn ngân sách đầu tư thực hiện Chương trình hàng năm, tham mưu đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện Chương trình theo kế hoạch;

- Hướng dẫn các sở ngành, địa phương thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình dự án khác với xây dựng nông thôn mới để phát huy hiệu quả sử dụng vốn.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định vốn ngân sách đối với từng nhiệm vụ cụ thể; tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình; chịu trách nhiệm hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện chương trình; thường xuyên kiểm tra việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho chương trình; tổng hợp quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.

- Xây dựng giải pháp huy động thêm nguồn lực ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình. Hướng dẫn, quản lý sử dụng nguồn vốn huy động khác tại địa phương để thực hiện Chương trình giai đoạn 2017-2020.

4. Các sở ngành, tỉnh

- Chủ trì phối hợp với Cơ quan thường trực Chương trình định kỳ tổ chức kiểm tra giám sát; hướng dẫn, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung tiêu chí theo lĩnh vực quản lý, địa bàn được phân công, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh;

- Thực hiện việc lồng ghép các chương trình, dự án thuộc sở ngành phụ trách với nội dung xây dựng nông thôn mới;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện báo cáo các nội dung liên quan theo yêu cầu của Trung ương và tỉnh.

5. Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh tổ chức hoạt động giám sát, phản biện xã hội để góp phần phát huy hiệu quả sử dụng nguồn lực của nhà nước và nhân dân cho Chương trình nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch xây dựng nông thôn mới đã đề ra;

- Tiếp tục vận động nhân dân hưởng ứng các cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới”; bổ sung các nội dung của cuộc vận động cho phù hợp với kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

6. UBND các huyện, thành phố

- Trên cơ sở Kế hoạch của tỉnh, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch thực hiện Chương trình của các huyện, thành phố cho phù hợp với lộ trình kế hoạch chung của tỉnh; chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh kế hoạch của xã cho

phù hợp với kế hoạch chung của huyện, thành phố;

- Xem xét cân đối vốn ngân sách địa phương để thực hiện, hỗ trợ cho các xã thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch; xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực phù hợp để phát huy và khai thác tối đa nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh, bộ phận tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ; phân công, phân cấp trách nhiệm các thành viên Ban Chỉ đạo, của các phòng ban trong hỗ trợ các xã tổ chức thực hiện Chương trình;

- Tăng cường đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất, gắn xây dựng nông thôn mới với việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tăng thu nhập cho người dân nông thôn;

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện, thành phố và chỉ đạo các xã rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã cho phù hợp với quy hoạch vùng huyện, thành phố, nhất là đối với các huyện, thành phố theo lộ trình đạt chuẩn giai đoạn 2016-2020;

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình theo quy định; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét giải quyết.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - TH tỉnh;
- VPUB: Các PCVP, các phòng NC, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNndt216.



Trần Ngọc Căng

Phụ lục:
LỘ TRÌNH CÁC KHU VỰC NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2020.
 (Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
H. Bình Sơn		H. Bình Sơn	H. Bình Sơn	H. Bình Sơn	H. Bình Sơn	H. Bình Sơn
1. Bình Dương		1. Bình Trưng	1. Bình Minh	1. Bình Long	1. Bình Khương	1. Bình Đông
		2. Bình Thới	2. Bình Nguyên	2. Bình Mỹ	2. Bình Thanh Tây	2. Bình Tân
			3. Bình Trị	3. Bình Phú	3. Bình Thạnh	3. Bình Thuận
				4. Bình Phước	4. Bình Hiệp	4. Bình Chương
		H. Sơn Tịnh	H. Sơn Tịnh	H. Sơn Tịnh	H. Sơn Tịnh	H. Sơn Tịnh
		1. Tịnh Giang	1. Tịnh Bắc	1. Tịnh Trà	1. Tịnh Hà	1. Tịnh Thọ
			2. Tịnh Minh	2. Tịnh Sơn	2. Tịnh Đông	2. Tịnh Bình
					3. Tịnh Phong	3. Tịnh Hiệp
	H. Tư Nghĩa	H. Tư Nghĩa	H. Tư Nghĩa	H. Tư Nghĩa	H. Tư Nghĩa	
	1. Nghĩa Lâm	1. Nghĩa Thương	1. Nghĩa Kỳ	1. Nghĩa Trung	1. Nghĩa Thọ	
	2. Nghĩa Hòa	2. Nghĩa Phương	2. Nghĩa Thuận	2. Nghĩa Mỹ	2. Nghĩa Thắng	
		3. Nghĩa Sơn	3. Nghĩa Điền	3. Nghĩa Hiệp		
	H. Nghĩa Hành	H. Nghĩa Hành	H. Nghĩa Hành			
	1. Hành Thuận	1. Hành Trung	1. Hành Dũng			
	2. Hành Thịnh	2. Hành Phước	2. Hành Tín Tây			
	3. Hành Minh	3. Hành Tín Đông				
		4. Hành Nhân				
		5. Hành Thiện				
		6. Hành Đức				
	H. Mộ Đức		H. Mộ Đức	H. Mộ Đức	H. Mộ Đức	H. Mộ Đức
	1. Đức Tân		1. Đức Thanh	1. Đức Hiệp	1. Đức Thắng	1. Đức Lân
	2. Đức Nhuận		2. Đức Hòa	3. Đức Phú	2. Đức Chánh	2. Đức Phong
					3. Đức Lợi	3. Đức Minh
	H. Đức Phổ	H. Đức Phổ	H. Đức Phổ	H. Đức Phổ	H. Đức Phổ	H. Đức Phổ
	1. Phổ Vinh	1. Phổ Hòa	1. Phổ An	1. Phổ Văn	1. Phổ Thạnh	1. Phổ Châu
			2. Phổ Ninh	2. Phổ Thuận	2. Phổ Quang	2. Phổ Cường

2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
	TP. Quảng Ngãi		TP. Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi
	1. Tịnh Châu		1. Nghĩa Phú	1. Tịnh Kỳ	1. Tịnh Hòa	1. Tịnh Thiện
	2. Tịnh Khê		2. Tịnh An Tây	2. Nghĩa An	2. Tịnh An Đông	2. Nghĩa Hà
			3. Tịnh Long			
			4. Tịnh An			
				H. Ba Tơ		H. Ba Tơ
				1. Ba Động		1. Ba Cung
					H. Minh Long	H. Minh Long
					1. Long Sơn	1. Thanh An
				H. Trà Bồng		H. Trà Bồng
				1. Trà Bình		1. Trà Phú
					H. Sơn Hà	H. Sơn Hà
					1. Sơn Thành	1. Sơn Hạ
				H. Lý Sơn	H. Lý Sơn	H. Lý Sơn
				1. An Hải	1. An Vĩnh	1. An Bình
Tổng số: 1 xã	Tổng số: 10 xã	Tổng số: 13 xã	Tổng số: 18 xã	Tổng số: 18 xã	Tổng số: 19 xã	Tổng số: 19 xã
Lũy kế: 1 xã	Lũy kế: 11 xã	Lũy kế: 24 xã	Lũy kế: 42 xã	Lũy kế: 60 xã	Lũy kế: 79 xã	Lũy kế: 98 xã

Ghi chú:

Tổng số: 98 xã. Trong đó:

Huyện Bình Sơn: 18 xã/24 xã;

Huyện Sơn Tịnh: 11 xã/11 xã (đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020);

Huyện Tư Nghĩa: 13 xã/13 xã (đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2019);

Huyện Nghĩa Hành: 11 xã/11 xã (đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2017);

Huyện Mộ Đức: 12 xã/12 xã (đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020);

Huyện Đức Phổ: 10 xã/14 xã;

TP. Quảng Ngãi: 12 xã/12 xã (hoàn thành nhiệm vụ XD nông thôn mới năm 2020);

Huyện Ba Tơ: 2 xã/19 xã;

Huyện Minh Long: 2 xã/05 xã;

Huyện Sơn Hà: 2 xã/13 xã;

Huyện Trà Bồng: 2 xã/09 xã;

Huyện Lý Sơn: 3 xã/03 xã (đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020)